

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC THỦY SẢN
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN,
UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp Dịch vụ công trực tuyến		Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
							Toàn trình	Một phần	
I	Lĩnh vực Thủy sản								
01	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ) 1.004918.H42	1/Trường hợp Cấp mới: 13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. 2/Trường hợp Cấp lại: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	X	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.		X	
02	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản	- Trường hợp cấp mới: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;	Trung tâm Phục vụ hành	Mức thu phí 5.700.000 đồng/lần (Mức phí trên chưa	x	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi		x	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BBCI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp Dịch vụ công trực tuyến		Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
							Toàn trình	Một phần	
	phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài). 1.004915.H42	- Trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	chính công	bao gồm chi phí đi lại của đoàn đánh giá. Chi phí đi lại do tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định chi trả theo thực tế, phù hợp với quy định).		tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Thông tư số 112/2021/TT-BTC ngày 15/12/2021 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực quản lý nuôi trồng thủy sản.			
03	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu) 1.004913.H42	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	X	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số		X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BBCI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp Dịch vụ công trực tuyến		Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
							Toàn trình	Một phần	
						điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.			
04	Công bố mở cảng cá loại 2 1.004694.H42	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	X	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.		X	
05	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá 1.004697.H42	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	X	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ.		X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BBCI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp Dịch vụ công trực tuyến		Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
							Toàn trình	Một phần	
06	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực 1.004692.H42	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	X	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.		X	
07	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý) 1.004684.H42	1/Trường hợp Cấp mới: 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. 2/Trường hợp Cấp lại/gia hạn: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	X	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.		X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BBCI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp Dịch vụ công trực tuyến		Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
							Toàn trình	Một phần	
08	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản 1.004359.H42	1/ Trường hợp Cấp mới: 06 ngày làm việc. 2/ Trường hợp Cấp lại: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Cấp mới: 40.000 đồng/lần. - Cấp lại: 20.000 đồng/lần	X	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 21/11/2021 của Bộ Tài chính		X	
09	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển. 1.004344.H42	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	X	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ.	X		

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BBCI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp Dịch vụ công trực tuyến		Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
							Toàn trình	Một phần	
	Lĩnh vực Thủy sản								
01	Công bố mở cảng cá loại 3 1.004478.H42	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	Không	X	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.		X	

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC THỦY SẢN
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN,
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 5 /2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VB QPPL quy định bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
I	Lĩnh vực Thủy sản			
1	1.004918.H42	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)	Phụ lục I, Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 về việc Công bố chuẩn hóa Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.
2	1.004915.H42	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 về việc Công bố chuẩn hóa Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.
3	1.004913.H42	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 về việc Công bố chuẩn hóa Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VB QPPL quy định bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
4	1.004694.H42	Công bố mở cảng cá loại 2	Khoản 32 Điều 1 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 về việc Công bố chuẩn hóa Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.
5	1.004697.H42	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	Khoản 27 Điều 1 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 về việc Công bố chuẩn hóa Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.
6	1.004692.H42	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực.	Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 về việc Công bố chuẩn hóa Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.
7	1.004684.H42	Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)	Khoản 15 Điều 1 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 về việc Công bố chuẩn hóa Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.
8	1.004359.H42	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số	Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 về việc Công bố chuẩn hóa Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VB QPPL quy định bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
			26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	của Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.
9	1.004344.H42	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	Khoản 30 Điều 1 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 về việc Công bố chuẩn hóa Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VB QPPL quy định bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
I	Lĩnh vực Thủy sản			
1	1.004478.H42	Công bố mở cảng cá loại 3	Khoản 32 Điều 1 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 về việc Công bố chuẩn hóa Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.